



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

BẢN SAO

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0104546308 ngày 22 tháng 03 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 13 tháng 10 năm 2010.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của NXB Giáo dục Việt Nam là 23.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 46%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 043.5121931
- Fax: (84) 043.5121930
- Website: www.stbmienbac.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm;
- Bán thiết bị trường học, thiết bị giảng dạy các cấp;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị trường học, thiết bị phục vụ giảng dạy các cấp;
- Xây dựng nhà các loại (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Sản xuất đồ đạc cho nhà thờ, trường học, nhà hàng.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 67 người. Trong đó nhân viên quản lý là 16 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|--------------|--------------------------|
| • Ông Huỳnh Bá Vân | Chủ tịch | Trúng cử ngày 11/04/2012 |
| • Ông Đinh Khắc Cao | Phó Chủ tịch | Trúng cử ngày 10/04/2010 |
| • Bà Nguyễn Thị Mơ | Ủy viên | Trúng cử ngày 10/04/2010 |
| • Ông Ngô Chí Quốc | Ủy viên | Trúng cử ngày 10/04/2010 |
| • Bà Hoàng Thị Thanh Tâm | Ủy viên | Trúng cử ngày 10/04/2010 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|--|
| • Ông Nguyễn Mạnh Hùng | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 22/04/2013 |
| • Ông Nguyễn Tiến Bộ | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 10/04/2010
Miễn nhiệm ngày 22/04/2013 |
| • Bà Trần Thu Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10/04/2010 |
| • Ông Trần Văn Hiến | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/04/2013 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Đinh Khắc Cao | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10/04/2010 |
| • Bà Nguyễn Thị Mơ | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10/04/2010 |
| • Ông Nguyễn Tiến Bộ | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/10/2012 |
| • Bà Hoàng Thị Thanh Tâm | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 10/04/2010 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Đinh Khắc Cao
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2014



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 147/2014/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 03/03/2014 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 26.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

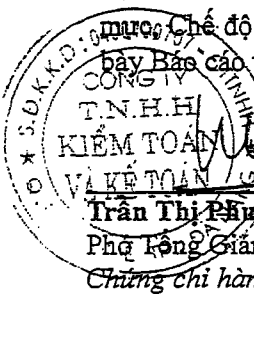
Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÁCH KHOA
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA BAN CHẤM
Ngày 10-03-2014
SỐ CHỨNG THỰC 3657... QUYỀN SỞ SỞ SCT/BS.

Trần Thị Phương Đan
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ hành nghề số 0326-2013-010-1

Đinh Thị Ngọc Thùy
Kiểm toán viên

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Chứng chỉ hành nghề số 1463-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66.134.170.060	54.610.145.344
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	18.600.857.390	16.229.714.027
1. Tiền	111		8.365.857.390	8.729.714.027
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.235.000.000	7.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	575.420.000	992.160.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		848.780.000	2.021.900.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(273.360.000)	(1.029.740.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.167.492.021	14.545.085.867
1. Phải thu khách hàng	131		16.880.746.348	14.110.008.782
2. Trả trước cho người bán	132		624.606.221	225.176.083
3. Các khoản phải thu khác	135	7	527.548.685	209.901.002
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(865.409.233)	-
IV. Hàng tồn kho	140	8	25.291.263.547	20.686.248.061
1. Hàng tồn kho	141		26.549.818.502	22.441.999.414
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.258.554.955)	(1.755.751.353)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.499.137.102	2.156.937.389
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	3.104.202.823	1.687.901.307
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		160.857.551	182.986.082
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	1.109.076.728	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	125.000.000	286.050.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.832.806.673	3.909.734.059
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.546.110	418.474.059
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	16.546.110	418.474.059
- Nguyên giá	222		2.668.794.277	2.866.798.781
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.652.248.167)	(2.448.324.722)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		-	22.755.350
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(22.755.350)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	3.816.260.563	3.491.260.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		3.816.260.563	3.491.260.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		69.966.976.733	58.519.879.403

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		18.238.574.136	7.451.537.461
I. Nợ ngắn hạn	310		18.238.574.136	7.451.537.461
1. Phải trả người bán	312		8.526.998.519	1.940.873.156
2. Người mua trả tiền trước	313		2.279.245.056	1.479.984.481
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	-	334.741.537
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	6.383.231.855	3.138.656.459
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.049.098.706	557.281.828
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.728.402.597	51.068.341.942
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	51.728.402.597	51.068.341.942
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	534.170.971	534.170.971
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	534.170.971	534.170.971
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	660.060.655	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		69.966.976.733	58.519.879.403

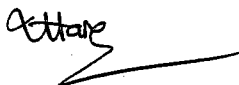
Tổng Giám đốc



Đinh Khắc Cao

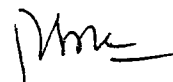
Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu



Lê Mai Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	18	298.430.486.267	284.561.323.319
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	18	298.430.486.267	284.561.323.319
4. Giá vốn hàng bán	11	19	269.611.471.636	256.020.098.981
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>28.819.014.631</u>	<u>28.541.224.338</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2.249.584.528	1.815.958.922
7. Chi phí tài chính	22	21	(1.446.064)	(14.570.030)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		12.990.783.982	13.584.337.304
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.040.888.185	8.555.875.789
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>8.038.373.056</u>	<u>8.231.540.197</u>
11. Thu nhập khác	31	22	736.031	47.621.271
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		<u>736.031</u>	<u>47.621.271</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23	<u>8.039.109.087</u>	<u>8.279.161.468</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	203.743.610	1.488.562.526
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	23	<u>7.835.365.477</u>	<u>6.790.598.942</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.567	1.338

Tổng Giám đốc

Đinh Khắc Cao

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu

Lê Mai Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	297.372.783.511	281.618.057.833
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(280.889.637.902)	(258.805.437.616)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.564.499.562)	(7.757.053.584)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.302.503.735)	(1.736.063.982)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.784.067.380	5.383.731.715
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.042.924.525)	(2.224.085.018)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.357.285.167	16.479.149.348
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	(81.640.000)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(325.000.563)	(725.760.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	338.858.759	912.466.580
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.858.196	105.066.580
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.000.000.000)	(6.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.000.000.000)	(6.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.371.143.363	10.084.215.928
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	16.229.714.027	6.145.498.099
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi n.tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	18.600.857.390	16.229.714.027

Tổng Giám đốc



Đinh Khắc Cao

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu



Lê Mai Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0104546308 ngày 22 tháng 03 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay công ty đã 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 13 tháng 10 năm 2010.

Ngành nghề kinh doanh chính

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép bản ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm;
- Bán thiết bị trường học, thiết bị giảng dạy các cấp;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị trường học, thiết bị phục vụ giảng dạy các cấp;
- Xây dựng nhà các loại (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Sản xuất đồ đạc cho nhà thờ, trường học, nhà hàng.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh đối với toàn bộ các tài sản cố định.

Loại tài sản

Thời gian khấu hao (năm)

Phương tiện vận tải

3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5
Tài sản cố định khác	1,5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh đối với tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm quản lý cửa hàng	1,5

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông.

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.12 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Sách giáo khoa và sách bổ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Các mặt hàng khác áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Đối với hoạt động xuất bản sách giáo khoa và sách bổ trợ cho sách giáo khoa: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% theo quy định tại Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính và Luật Xuất bản.
 - ✓ Đối với hoạt động Công ty mua bán sách giáo khoa và sách bổ trợ cho sách giáo khoa: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.13 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các phải trả người bán và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	293.477.803	185.855.633
Tiền gửi ngân hàng	8.072.379.587	8.543.858.394
Các khoản tương đương tiền	10.235.000.000	7.500.000.000
Cộng	18.600.857.390	16.229.714.027

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số lượng Cổ phiếu	31/12/2013 Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	31/12/2012 Giá trị VND
Cổ phiếu	77.300	848.780.000	156.500	2.021.900.000
+ Cty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI)	60.900	675.300.000	135.900	1.800.300.000
+ Cty CP ĐT và PT Giáo dục Hà Nội (EID)	16.400	173.480.000	20.600	221.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		273.360.000		1.029.740.000
+ Cty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI) (*)		273.360.000		1.012.080.000
+ Cty CP ĐT và PT Giáo dục Hà Nội (EID)		-		17.660.000
Cộng		575.420.000		992.160.000

(*) Là khoản trích lập dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục căn cứ vào số lượng cổ phiếu Công ty hiện đang nắm giữ và chênh lệch giữa giá bình quân ngày 31/12/2013 tại HNX với giá ghi sổ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lãi dự thu	27.548.685	28.125.000
Phải thu BHXH của CBCNV	-	1.108.502
Phải thu thuế TNCN của CBCNV	-	157.820.000
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	500.000.000	-
Phải thu khác	-	22.847.500
Cộng	527.548.685	209.901.002

(*) Là khoản đóng góp theo Công văn số 1762/CV-NXBGDVN của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam về việc “Huy động nguồn tài chính phục vụ Quỹ đầu tư xuất bản” ngày 07/11/2013 để huy động nguồn vốn và đầu tư cho hoạt động xuất bản giai đoạn từ năm 2013 tới năm 2016.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	115.562.280
Nguyên liệu, vật liệu	5.386.743.389	8.648.199.476
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	270.705.332	221.116.160
Thành phẩm	6.223.159.873	6.192.533.088
Hàng hóa	14.669.209.908	7.264.588.410
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.258.554.955)	(1.755.751.353)
Cộng	25.291.263.547	20.686.248.061

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển	467.833.031	655.950.756
Chi phí tổ chức bán thảo	1.867.985.792	1.031.950.551
Chi phí thuê cửa hàng	768.384.000	-
Cộng	3.104.202.823	1.687.901.307

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế TNDN nộp thừa	1.002.434.883	-
Thuế thu nhập cá nhân tạm nộp	106.641.845	-
Cộng	1.109.076.728	-

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	125.000.000	286.050.000
Cộng	125.000.000	286.050.000

12. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.225.669.732	403.674.504	237.454.545	2.866.798.781
Mua sắm trong năm	-	-	-	-
Giảm theo TT 45	-	198.004.504	-	198.004.504
Số cuối năm	2.225.669.732	205.670.000	237.454.545	2.668.794.277
Khấu hao				
Số đầu năm	1.861.395.236	349.474.941	237.454.545	2.448.324.722
Khấu hao trong năm	347.728.386	46.255.119	-	393.983.505
Giảm theo TT 45	-	190.060.060	-	190.060.060
Số cuối năm	2.209.123.622	205.670.000	237.454.545	2.652.248.167
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	364.274.496	54.199.563	-	418.474.059
Số cuối năm	16.546.110	-	-	16.546.110

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013: 2.470.240.859 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	22.755.350	22.755.350
Mua trong năm	-	-
Giảm theo TT 45	22.755.350	22.755.350
Số cuối năm	-	-
Khấu hao		
Số đầu năm	22.755.350	22.755.350
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm theo TT 45	22.755.350	22.755.350
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư dài hạn khác	3.816.260.563	3.491.260.000
- Công ty CP DVXB Giáo dục HN (75.000 cp)	750.000.000	750.000.000
- Công ty CP Sách TBTH Sơn La (64.800 cp)	725.760.000	725.760.000
- Dự án xây dựng kho Đông Anh (*)	2.240.500.563	1.915.500.000
- Dự án xây trung tâm phát hành sách giáo khoa (**)	100.000.000	100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Cộng	3.816.260.563	3.491.260.000

(*) Góp vốn với Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và một số công ty khác thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010. Tổng số vốn dự kiến góp là 7.662.000.000 đồng trong đó Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc chiếm 25%.

(**) Góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án xây dựng Trung tâm xuất bản phát hành sách giáo khoa theo Hợp đồng góp vốn số 1F/2010/HĐGV ngày 08/07/2010. Tổng số vốn dự kiến góp là 220.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Sơn La chưa niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Công ty không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này. Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội kết quả kinh doanh có lãi, vốn chủ sở hữu bảo toàn. Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Sơn La. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	96.325.242
Thuế thu nhập cá nhân	-	238.416.295
Cộng	-	334.741.537

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	68.175.852	120.885.991
Cổ tức phải trả	6.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả khác	315.056.003	17.770.468
Cộng	6.383.231.855	3.138.656.459

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2012	50.000.000.000	534.170.971	534.170.971	3.523.296.869	54.591.638.811
Tăng trong năm	-	-	-	6.790.598.942	6.790.598.942
Giảm trong năm	-	-	-	10.313.895.811	10.313.895.811
Số dư tại 31/12/2012	50.000.000.000	534.170.971	534.170.971	-	51.068.341.942
Số dư tại 01/01/2013	50.000.000.000	534.170.971	534.170.971	-	51.068.341.942
Tăng trong năm	-	-	-	7.835.365.477	7.835.365.477
Giảm trong năm	-	-	-	7.175.304.822	7.175.304.822
Số dư tại 31/12/2013	50.000.000.000	534.170.971	534.170.971	660.060.655	51.728.402.597

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.000.000.000	23.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	2.500.000.000	2.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24.500.000.000	24.500.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2013 Cổ phiếu	31/12/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	-	3.523.296.869
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.835.365.477	6.790.598.942
Chia lợi nhuận cho Cty TNHH Văn hóa phẩm Quảng Lợi	-	71.968.523
Chia lợi nhuận cho Cty CP Sách dịch và Từ điển GD	-	29.658.080
Phân phối lợi nhuận (*)	7.175.304.822	10.212.269.208
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	3.500.000.000
- Chia cổ tức cho các cổ đông	-	3.500.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	7.175.304.822	6.712.269.208
- Trích quỹ khen thưởng CBCNV	391.768.274	339.529.947
- Trích quỹ phúc lợi	391.768.274	339.529.947
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	391.768.274	33.209.314
- Tạm chia cổ tức cho các cổ đông	6.000.000.000	6.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	660.060.655	-

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 ngày 22/04/2013 và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 438/HĐQT/2013 ngày 06/12/2013 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 471/HĐQT/2013 ngày 15/12/2013. Cụ thể như sau:

- Tạm chia cổ tức năm 2013: 12% Vốn điều lệ.
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% của Lợi nhuận sau thuế năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành: 5% của Lợi nhuận sau thuế năm 2013

e. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 22/04/2013 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 với tỷ lệ 12% vốn điều lệ tương ứng 6.000.000.000 đồng. Theo đó, trừ cổ tức đã tạm ứng năm 2012 (số tiền 3.000.000.000 đồng), Công ty tiếp tục chi trả cổ tức còn lại trong năm 2013, tương ứng 3.000.000.000 đồng.

Ngày 06/12/2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã đưa ra Nghị quyết số 438/HĐQT/2013 về việc trả cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 12% vốn điều lệ (tương ứng 6 tỷ đồng). Ngày 10/12/2013, Công ty đã có thông báo số 446/TB-STMB về việc chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 12% vốn điều lệ (tương ứng 6 tỷ đồng) và thời gian thực hiện chi trả vào ngày 20/01/2014 bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

18. Doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng doanh thu	298.430.486.267	284.561.323.319
+ Doanh thu bán sách giáo khoa	251.723.242.546	242.296.745.686
+ Doanh thu bán sách tham khảo	41.232.100.018	38.845.680.783
+ Doanh thu bán thiết bị giáo dục	1.949.515.274	2.544.840.031
+ Doanh thu khác	3.525.628.429	874.056.819
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	298.430.486.267	284.561.323.319

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn bán sách giáo khoa	235.891.752.360	225.662.282.263
Giá vốn bán sách tham khảo	28.817.753.617	27.334.391.458
Giá vốn bán thiết bị giáo dục	1.506.247.112	2.223.441.507
Giá vốn khác	3.395.718.547	799.983.753
Cộng	269.611.471.636	256.020.098.981

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	124.662.444	577.702.333
Lãi từ đầu tư chứng khoán	3.860.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	213.620.000	330.900.000
Chiết khấu thanh toán nhanh	1.887.653.892	657.371.262
Lãi phạt chậm thanh toán	-	249.985.327
Doanh thu hoạt động tài chính khác	19.788.192	-
Cộng	2.249.584.528	1.815.958.922

21. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi phạt chậm thanh toán	94.141.510	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư ngắn hạn	(756.380.000)	(163.760.000)
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	595.500.000	18.860.000
Chiết khấu thanh toán	65.292.426	130.329.970
Cộng	(1.446.064)	(14.570.030)

22. Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	21.660.865
Thu nhập khác	736.031	25.960.406
Cộng	736.031	47.621.271

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.039.109.087	8.279.161.468
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	328.852.668	(82.776.603)
Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	542.472.668	349.750.000
Điều chỉnh giảm	213.620.000	432.526.603
- Cổ tức nhận được	213.620.000	330.900.000
- Chia LNTT cho Cty TNHH Văn hóa phẩm Quảng Lợi	-	71.968.523
- Chia LNTT cho Cty Sách dịch và Từ điển GD	-	29.658.080
Tổng thu nhập chịu thuế	8.367.961.755	8.196.384.865
Thuế thu nhập doanh nghiệp	836.796.176	2.049.096.216
Thuế TNDN được giảm 30% theo NQ của Quốc hội	-	560.533.690
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	836.796.176	1.488.562.526
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(633.052.566)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.835.365.477	6.790.598.942

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.835.365.477	6.790.598.942
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	(101.626.603)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản đ.chỉnh giảm (Chia LNTT cho Cty TNHH Văn hóa phẩm Quảng Lợi và Cty CP Sách dịch Từ điển)	-	101.626.603
LN phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	7.835.365.477	6.688.972.339
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.567	1.338

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.115.712.188	4.172.789.667
Chi phí nhân công	9.103.673.130	8.690.266.150
Chi phí khấu hao tài sản cố định	393.983.505	906.998.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.463.110.769	9.591.306.983
Chi phí khác bằng tiền	6.627.251.200	6.129.300.412
Cộng	33.703.730.792	29.490.661.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá hàng hóa, nguyên liệu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn và giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với những khách hàng trên.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	8.526.998.519	-	8.526.998.519
Phải trả khác	6.315.056.003	-	6.315.056.003
Cộng	14.842.054.522	-	14.842.054.522
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.940.873.156	-	1.940.873.156
Phải trả khác	3.017.770.468	-	3.017.770.468
Cộng	4.958.643.624	-	4.958.643.624

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.600.857.390	-	18.600.857.390
Phải thu khách hàng	16.015.337.115	-	16.015.337.115
Đầu tư tài chính	575.420.000	3.816.260.563	4.391.680.563
Phải thu khác	527.548.685	-	527.548.685
Cộng	35.719.163.190	3.816.260.563	39.535.423.753
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.229.714.027	-	16.229.714.027
Phải thu khách hàng	14.110.008.782	-	14.110.008.782
Đầu tư tài chính	992.160.000	3.491.260.000	4.483.420.000
Phải thu khác	209.901.002	-	209.901.002
Cộng	31.541.783.811	3.491.260.000	35.033.043.811

27. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

28. Các bên liên quan

a. Thông tin các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Thanh Hóa	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Nam Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP PHS - TBTH Hưng Yên	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - TBTH Lào Cai	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - TBTH Hoà Bình	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - TBTH Hà Tây	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Cao Bằng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Nghệ An	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TB TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách ĐH - dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP sách Dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Mua sách giáo khoa	239.035.432.041	221.861.674.828
Công ty CP Sách và TBGD miền Nam	Mua sách giáo khoa	1.654.431.952	1.293.706.940
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chi phí tổ chức bản thảo	3.616.894.169	1.111.005.170
Bán hàng			
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	Bán sách giáo khoa	2.866.496.310	15.323.763.584
Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang	Bán sách giáo khoa	4.568.547.153	4.520.484.023
Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	Bán sách giáo khoa	5.868.479.892	7.539.365.497
Công ty CP Sách-TB giáo dục Nam Định	Bán sách giáo khoa	8.392.574.236	5.495.664.296
Công ty CP PHS - TBTH Hưng Yên	Bán sách giáo khoa	10.935.734.500	10.046.029.232
Công ty CP Sách - TBTH Lào Cai	Bán sách giáo khoa	3.573.564.448	4.398.952.915
Công ty CP Sách - TBTH Hoà Bình	Bán sách giáo khoa	7.359.450.382	7.959.049.101
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Bán sách giáo khoa	1.352.802.663	3.272.227.945
Công ty CP Sách - TBTH Hà Tây	Bán sách giáo khoa	23.555.447.332	22.359.083.091
Công ty CP sách - TBTH Thanh Hóa	Bán sách giáo khoa	23.393.361.050	17.390.308.143
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Bán sách giáo khoa	851.338.791	1.971.198.540
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Bán sách giáo khoa	2.489.609.018	2.893.229.940
Công ty CP Sách và TBTH Cao Bằng	Bán sách giáo khoa	2.866.496.310	5.819.642.256
Công ty CP Sách và TBTH Nghệ An	Bán sách giáo khoa	12.362.294.911	8.498.813.908
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Bán sách giáo khoa	2.341.506.416	6.188.660.319

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Số dư với các bên có liên quan

Công ty liên quan	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả người bán		
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	81.403.250
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	8.066.786.009	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	1.054.724.029	751.840.000
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	1.778.836	-
Công ty CP Sách ĐH - dạy nghề	391.277.422	180.918.454
Công ty CP Sách Dân Tộc	-	216.810.573
Công ty CP sách Dịch và Từ điển Giáo dục	-	214.059.448
Công ty CP Sách TB TP. Hồ Chí Minh	-	22.744.800
Phải thu khách hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	271.962.932	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	-	501.337.514
Công ty CP Sách và TBGD miền Nam	120.306.754	902.345.069
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	-	464.843.165
Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang	1.437.525.193	968.247.955
Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	13.654.468	1.552.912.747
Công ty CP Sách và TBTH Thanh Hóa	1.644.189.100	874.908.440
Công ty CP đầu tư và xuất bản Giáo dục	1.730.818.466	2.605.020.028
Công ty CP Sách và TBTH Nghệ An	801.945.789	335.900.340
Công ty CP Sách và TBGD Cửu long	254.712.120	256.870.200

29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

30. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi AAC.

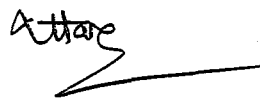
Tổng Giám đốc



Đinh Khắc Cao

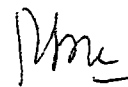
Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu



Lê Mai Anh